Kinh tế Thổ Nhĩ Kỳ năm 2011

Kinh tế thế giới trải qua năm 2011 đầy sóng gió, với một loạt thách thức như khủng hoảng nợ công nghiêm trọng tại khu vực đồng tiền chung châu Âu (Eurozone), sự phục hồi không như dự kiến của kinh tế Mỹ, đà tăng chậm lại của các nền kinh tế phát triển mới nổi, tỷ lệ thất nghiệp, lạm phát cao, tình hình bất ổn chính trị và thiên tai...

Tăng trưởng GDP

Nền kinh tế Thổ Nhĩ Kỳ cũng bị những ảnh hưởng của những biến động đó. Tuy nhiên, bằng nội lực kinh tế và các chính sách kinh tế, tài chính điều chỉnh kịp thời, GDP ước đạt mức tăng ấn tượng 7,8% trong năm 2011. Mức tăng này thấp hơn mức tăng 9% của năm 2010, nhưng là một trong nước những có mức tăng GDP cao nhất thế giới trong năm 2011. Trong đó, nông nghiệp tăng ấn tượng 6%, công nghiệp 7,2% và dịch vụ 7,8%. Hiện nay, các nước láng giềng với Thổ Nhĩ Kỳ đang gặp khó khăn kinh tế như Hy Lạp, Iran, Syria, Libăng…mới thấy ý nghĩa quan trọng của mức tăng 7,8% mà nước này đạt được. Tỷ trọng kinh tế năm 2011: nông nghiệp 8,3%, công nghiệp 19,1% và dịch vụ 72,7%. Tổng GDP là 766,374 tỷ USD, dân số 73,95 triệu người và thu nhập GDP bình quân/người là 10.363 USD. GDP tính theo PPP là 15.000 USD/người.

Tài chính và lạm phát

Thâm hụt ngân sách năm 2011 là 7,8%. Chỉ số lạm phát (CPI) vào tháng 12/2011 là 10,45% và 10,62% vào tháng 1/2012. Nguyên nhân lạm phát tăng cao trong năm 2011 là do giá một số mặt hàng tăng mạnh: rượu và thuốc lá tăng 18,53%, chi phí vận tải 12,9% và thực phẩm 11,67%. Kể từ tháng 1/2012, Ngân hàng Trung ương (CBT) vẫn tiếp tục áp dụng các biện pháp để hạ tỷ lệ lạm phát. Mục tiêu năm 2012 là giữ tỷ lệ lạm phát khoảng 5%. Dự trữ ngoại tệ 92 tỷ USD vào ngày 31/12/2011.

Để kiềm chế lạm phát, các dự trữ bắt buộc bằng đồng Lira đã dần tăng lên từ tháng 11/2010 đến tháng 4/2011 cho đến khi việc nới lỏng bị hủy bỏ, trong khi các tỷ lệ lãi suất trở nên khác nhau bởi kỳ hạn thanh toán nhằm kéo dài việc tài trợ vốn từ ngân hàng và tăng cường lượng vốn huy động. Đồng thời, lượng ngoại tệ mua vào của CBT được công bố hàng ngày đã trở về mức thấp từ 140 triệu USD vào giữa tháng 12/2010 xuống còn 50 triệu USD vào đầu năm 2011, do đó đã giảm bớt việc tạo ra sự nới lỏng tại thị trường vốn trong nước.

Với mục tiêu lạm phát dự kiến sẽ giảm mạnh trong thời gian tới, tỷ lệ lãi suất theo quy định đã giảm ½ điểm phần trăm trong tháng 12/2010 nhằm hạn chế sự lên giá của đồng Lira. Đã tiếp tục cắt giảm ¼ điểm phần trăm vào tháng 1/2011.

Chiến lược chính sách tài chính mới của Thổ Nhĩ Kỳ đã thu được những kết quả quan trọng, trong khi mục tiêu kiềm chế lạm phát và tăng tín dụng cũng đạt được. Chiến lược này có tác dụng điều tiết sức ép phải thay đổi lãi suất, như đã được áp dụng khi tách đồng Lira ra khỏi các đồng tiền của các thị trường mới nổi khác từ giữa tháng 12/2010. Việc tách biệt này có thể phản ánh việc hạ thấp mức bình quân và tăng mạnh hơn trị giá dòng vốn ngắn hạn. Tuy nhiên, việc tăng nhanh tín dụng là xu hướng không thể khác được, và việc giảm giá gần đây của đồng tiền nội địa sẽ tạo thêm sức ép lên áp lực lạm phát khi giá cả hàng hóa tăng trên thị trường thế giới.

Những chuyển biến không lớn trong tháng 3/2011 về việc giảm bớt tỷ lệ tăng tín dụng có thể một phần do việc cắt giảm tỷ lệ lãi suất theo quy định. Đó là lý do vì sao CBT đã có những nới lỏng đủ để cho các ngân hàng thực hiện được yêu cầu nâng tỷ lệ dự trữ bắt buộc trong khi vẫn hạ tỷ lệ lãi suất liên ngân hàng để, về cơ bản, sẽ nhanh chóng thực hiện tỷ lệ lãi suất mới thấp hơn theo quy định.

Như vậy, CBT tiếp tục chính sách mới để giữ tỷ lệ lãi suất thấp, duy trì khung rộng cho lãi suất và dự trữ bắt buộc cao hơn để thuận tiện cho các trị giá đến kỳ hạn thanh toán. Các kết quả của các chính sách của CBT đã được thấy rõ trong Quý II/2011.

Kinh tế đối ngoại

Khách du lịch nước ngoài là 31,5 triệu lượt người, trong đó Đức 4,8 triệu; Nga 3,5 triệu; Anh 2,6 triệu; Iran 1,9 triệu; Bulgaria 1,5 triệu; Hà Lan 1,2 triệu; Georgia 1,2 triệu; Pháp 1,1 triệu và Mỹ 0,8 triệu. Tổng thu về du lịch đạt 23 tỷ USD, tăng 10,6% so với năm 2010.

Trong năm 2010, đầu tư trực tiếp nước ngòai (FDI) đạt 8,9 tỷ USD. FDI từ tháng 1 – 11/2011 đạt 12,1 tỷ USD. Trong số 12,1 tỷ USD, đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp là 4,7 tỷ USD (khai khoáng 50 triệu USD, chế tạo 1,9 tỷ USD và sản xuất phân phối điện ga 2,8 tỷ USD), dịch vụ là 7,3 tỷ USD và nông nghiệp là 30 triệu USD. Các nước đầu tư lớn nhất là Tây Ban Nha và Áo đều cùng 2,2 tỷ USD, Bỉ 1,5 tỷ USD, Hà Lan 1,3 tỷ USD, Pháp 944 triệu USD.

Năm 2011, xuất khẩu đạt 134,954 tỷ USD, tăng 18,5% so với mức 113,883 của năm 2010. Các thị trường xuất khẩu chủ yếu là Đức 13,96 tỷ USD chiếm tỷ trọng 10,3%, Iraq 8,32 tỷ USD với 6,2%, Anh 8,16 tỷ USD với 6%, Italia 7,86 tỷ USD với 5,8%, Pháp 6,81 tỷ USD với 5%, Nga 5,99 tỷ USD, Mỹ 4,6 tỷ USD, U.A.E 3,71 tỷ USD, Iran 3,59 tỷ USD và Bỉ 2,45 tỷ USD .

Về khu vực, xuất khẩu của nước này sang EU chiếm tỷ trọng lớn nhất với trị giá 62,38 tỷ USD. Tiếp theo là Châu Á 38,15 tỷ USD, Châu Âu khác 12,99 tỷ USD, Châu Phi 9,28 tỷ USD, Châu Mỹ 7,94 tỷ USD.

Hàng xuất khẩu chủ yếu là phương tiện vận tải 15,81 tỷ USD, máy thiết bị và nồi hơi 11,56 tỷ USD, sắt thép 11,23 tỷ USD, máy móc thiết bị điện 8,89 tỷ USD, hàng dệt kim 8,4 tỷ USD, nhiên liệu và dầu khoáng chất 6,54 tỷ USD, sản phẩm sắt thép, hàng may mặc phi dệt kim 5,13 tỷ USD, nhựa và sản phẩm nhựa 4,58 tỷ USD, hạt, quả và dưa 3,91 tỷ USD.

Nhập khẩu đạt 240,883 tỷ USD, tăng 29,8% so với mức 185,544 tỷ USD của năm 2010. Các thị trường nhập khẩu chủ yếu là Nga 23,95 tỷ USD chiếm 9,9%, Đức 22,99 tỷ USD với 9,5%, Trung Quốc 21,69 tỷ USD với 9%, Mỹ 16,03 tỷ USD với 6,7%, Italia 13,45 tỷ USD với 5,6%, Iran 12,46 tỷ USD, Pháp 9,23 tỷ USD, Ấn Độ 6,5 tỷ USD, Hàn Quốc 6,3 tỷ USD và Tây Ban Nha 6,2 tỷ USD.

Hàng nhập khẩu chủ yếu là nhiên liệu và dầu khoáng chất 54,11 tỷ USD, máy thiết bị 27,11 tỷ USD, sắt thép 20,42 tỷ USD, phương tiện vận tải 17,18 tỷ USD, máy móc thiết bị điện 16,84 tỷ USD, nhựa và sản phẩm nhựa 12,58 tỷ USD.

Về khu vực, nhập khẩu chủ yếu từ EU với 91,13 tỷ USD, Châu Á 73,58 tỷ USD, Châu Âu khác 35,98 tỷ USD, Châu Mỹ 22,75 tỷ USD và Châu Phi 6,77 tỷ USD.

Có thể thấy rằng cơ cấu hàng xuất nhập khẩu của Thổ Nhĩ Kỳ khá tốt theo hướng công nghiệp, chủ yếu là các sản phẩm chế tạo và hàng có hàm lượng công nghệ cao.

Thâm hụt thương mại là 105,879 tỷ USD, tăng 18,5% so với mức thâm hụt 72,310 tỷ USD của năm 2010. Mức thâm hụt thương mại năm 2011 là rất lớn. Tuy nhiên, nguyên nhân chính của thâm hụt thương mại là do nhập khẩu nhiện liệu và dầu khoáng chất lên tới 54,11 tỷ USD, tăng mạnh so với mức 38,5 tỷ USD trong năm 2010.

Mức thuế nhập khẩu chung của Thổ Nhĩ Kỳ năm 2010 là 9,9%. Mức thuế áp dụng cho các hàng phi nông nghiệp là 4,8%.

Đến nay, Thổ Nhĩ Kỳ đã ký Hiệp định Thương mại tự do (FTA) với 21 nước trên thế giới, gồm EFTA (Na Uy, Thụy Sỹ, Iceland, Liechtenstein), Israel, Macedonia, Croatia, Bosnia & Herzegovina, Palestine, Tunisia, Morocco, Syria, Ai Cập, Albani, Georgia, Montenegro, Serbia, Chile, Jordan, Li Băng và Mauritius.

Ngành công nghiệp xây dựng rất phát triển, đặc biệt là xây dựng ở nước ngoài. Trong số 225 công ty xây dựng lớn nhất của thế giới thì có 31 công ty xây dựng của Thổ Nhĩ Kỳ. Nước này xếp thứ 2 thế giới, chỉ sau Trung Quốc) về số lượng các công ty xây dựng. Năm 2011, các công ty xây dựng thực hiện 437 dự án tại 43 nước trên thế giới (chủ yếu là tại Trung Đông, Châu Âu, Tây Á và Bắc Phi) với trị giá 19,35 tỷ USD.

Đánh giá, dự báo

Nền kinh tế Thổ Nhĩ Kỳ sẽ phát triển ổn định trong những năm 2012, 2013 và 2014 với các mức tăng GDP tương ứng 4%, 5 và 5%. Trước tình hình nhập siêu ngày một tăng, chính phủ nước này dự kiến sẽ áp dụng một số thay đổi trong chính sách về kinh tế và thương mại.

Thổ Nhĩ Kỳ sẽ thay đổi cơ cấu sản xuất trong nước, chuyển đổi từ sản xuất dựa vào nhập khẩu sang sản xuất hàng hóa có giá trị gia tăng cao. Chú trọng các ngành chế tạo máy móc, thiết bị, hóa chất và công nghệ cao. Thông qua đó sẽ giảm sự phụ thuộc vào công nghiệp nước ngoài.

Nhập siêu đã là hiện tượng đáng ngại của nền kinh tế từ năm 2002. Chính phủ chủ trương cải tiến quản lý sản xuất, tăng năng suất lao động và giảm giá thành hàng hóa để tạo sức cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Mấu chốt của vấn đề hiện nay là phải tạo ra được hiệu suất lao động cao hơn và khu vực kinh tế tư nhân ngày càng lớn mạnh và hiệu quả. Sản xuất máy móc và thiết bị sẽ là khu vực chủ chốt và có tiềm năng rất lớn. Đồng thời chú trọng khu vực hóa chất và dịch vụ.

Chiến lược công nghiệp hóa giai đoạn 2011 – 2014 được chính phủ thông qua tháng 12/2010 đã xác định 7 lĩnh vực sản xuất ưu tiên gồm các ngành sản xuất ô tô, máy thiết bị, điện tử, sắt thép, nhà máy chế biến gỗ, giấy và đồ gỗ và thực phẩm. Mục tiêu chiến lược là tăng cường sản xuất và xuất khẩu cho khu vực công nghệ vừa và cao. Công nghệ cao bao gồm dược phẩm, máy bay, vũ trụ, máy và thiết bị y tế, thông tin và viễn thông.

Chỉ với ngành sắt thép, cần phải giảm việc phụ thuộc vào ngành sản xuất sắt thép của nước ngoài và phát triển ngành chế tạo máy. Công nghiệp hóa chất, dược phẩm, thực phẩm cũng là những thế mạnh chưa được khai thác của nước này.

Sắt thép được xác định là đầu vào quan trọng cho nhiều ngành sản xuất trong nước. Do đó cần khuyến khích sản xuất trong nước và cạnh tranh quốc tế trong lĩnh vực này. Đồng thời, có kế hoạch xây dựng được ít nhất 1 thương hiệu quốc tế trong sản xuất điện tử công nghiệp vào năm 2023. Năng lượng, hóa chất, lọc và hóa dầu cũng là những trọng tâm của chiến lược công nghiệp hóa trong tương lai.

Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ dự kiến sẽ công bố một chiến lược mới để đưa nước này từ mô hình truyền thống tăng trưởng dựa vào xuất khẩu sang hệ thống hướng vào sản xuất và đầu tư trong nước.

Ông Zafer Caglayan, Bộ trưởng kinh tế, gần đây đã tuyên bố rằng chính phủ đã có kế hoạch áp dụng chiến lược để khuyến khích 6 ngành kinh tế phụ thuộc nhiều vào nước ngoài phát triển mạnh hơn. Đó là các ngành sản xuất máy thiết bị, sắt thép, ô tô, hóa chất, dệt và thực phẩm và nông nghiệp. Mô hình mới đã được xác định trên cơ sở của chiến lược cung cấp đầu vào (Input Supply Strategy – GITES) được tiến hành nghiên cứu từ trước cuộc tổng tuyển cử tháng 6/2011.

Bộ Kinh tế đã tiến hành phân tích toàn diện về 6 ngành sản xuất quan trọng và sẽ sớm xác định những ưu đãi và trợ cấp để tăng khả năng sản xuất và sức cạnh tranh của những ngành này.

Cũng theo Bộ trưởng, chiến lược sẽ được thực thi trong một vài tháng tới. Chính phủ sẽ dành ưu đãi cho các nhà sản xuất trong các ngành đặc thù nhằm thu hẹp thâm hụt thương mại ở mức rất cao có thể đe dọa sự ổn định tài chính và tin tưởng rằng Thổ Nhĩ Kỳ có thể cắt giảm nhập khẩu tới 30 tỷ USD hàng năm.

Đi đôi với việc khuyến khích sản xuất trong nước và giảm phụ thuộc vào hàng nhập khẩu, chính phủ cũng sẽ quan tâm hơn đến thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài, tăng xuất khẩu và giảm thâm hụt tài khoản vãng lai. Nước này xuất khẩu 135 tỷ USD năm 2011, tăng 18,5% so với mức 113,8 tỷ USD của năm 2010. Sáu ngành công nghiệp nêu trên nhập khẩu khoảng 30 tỷ USD nguyên liệu và vật tư phụ trợ trong những năm gần đây.

Thổ Nhĩ Kỳ thực hiện mô hình tăng trưởng dự vào xuất khẩu đầu những năm 1980 khi cố Thủ tướng Turgat Ozal tuyên bố tự do hóa nền

kinh tế. Đến nay, nền kinh tế đã hội nhập hoàn toàn với phần còn lại của thế giới và tổng trị giá xuất nhập khẩu khoảng 300 tỷ USD.

Theo dự kiến của chính sách ngoại thương mới, Thổ Nhĩ Kỳ không cắt giảm nhập khẩu ngay lập tức trong 6 ngành đã xác định mà chủ yếu là nhằm thúc đẩy sản xuất trong nước phát triển. Các nhà sản xuất hàng đầu trong nước sẽ được khuyến khích đầu tư vào các dự án sản xuất trong nước. Như vậy sẽ có tác động tích cực đến thâm hụt thương mại và thâm hụt tài khoản vãng lai và đây không phải là biện pháp bảo hộ mậu dịch. Thông qua việc tăng cường đầu tư sản xuất trong nước, sẽ tạo ra nhiều việc làm mới cho xã hội.

Lĩnh vực tư nhân sẽ là đầu tầu trong chiến dịch và chính phủ có trách nhiệm tạo các ưu đãi cho sản xuất. Các bước tiến hành không nhằm hạn chế nhập khẩu mà là giảm dần nhập khẩu. Chính phủ cũng sẽ sử dụng các ngân hàng công có hiệu quả hơn để cấp vốn cho các dự án đầu tư mới.

Với mục tiêu có tham vọng lớn của nước này phấn đấu vào top 10 của kinh tế thế giới năm 2023, Thổ Nhĩ Kỳ sẽ là thị trường lớn cho hàng hóa xuất khập khẩu của nhiều nước, trong đó có Việt Nam.

Thương vụ Việt Nam tại Thổ Nhĩ Kỳ